

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : ...59...../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 09 năm 2016

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 05 tháng 09 năm 2016

Kiểm tra mẫu : ngày 05 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	7
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.13
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	320
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	100
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.2
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.185
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	6.8
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	70
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.031
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.199
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.42

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu có độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn QCVN 01 : 2009/BYT.

BAN GIÁM ĐỐC XN

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM

Lưu Văn Hiến

Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

Số : ...60.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 09 năm 2016

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Nguyễn Tri Phương, P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 05 tháng 09 năm 2016

Kiểm tra mẫu : ngày 05 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	5
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	6.71
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	260
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	64
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.8
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.17
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.201
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	6.3
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	54
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.102
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.244
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.31

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT

BAN GIÁM ĐỐC XN

Lưu Văn Hiến

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM

Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : 61...../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 14 tháng 09 năm 2016

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 14 tháng 09 năm 2016

Kiểm tra mẫu : ngày 14 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	5
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.1
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	318
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	110
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.8
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.14
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.211
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	7.2
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	74
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.02
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.219
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.4

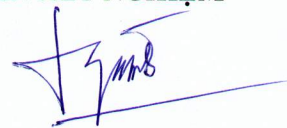
Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu có độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn QCVN 01 : 2009/BYT

BAN GIÁM ĐỐC XN



Lưu Văn Hiến

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : ...62.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Bạc Liêu, ngày 14 tháng 09 năm 2016

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Nguyễn Tri Phương, P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 14 tháng 09 năm 2016

Kiểm tra mẫu : ngày 14 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	5
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.02
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	258
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	70
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.2
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.304
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	6.9
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	60
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.131
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.388
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.31

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT

BAN GIÁM ĐỐC XN

Lư Văn Hiến

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM

Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : ...6.4...../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 09 năm 2016

PHIẾU KẾT QUA XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 20 tháng 09 năm 2016

Kiểm tra mẫu : ngày 20 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	7
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	6.82
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	310
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	116
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.2
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.215
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	7.6
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	70
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.01
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.163
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.39

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu có độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn QCVN 01 : 2009/BYT .
BAN GIÁM ĐỐC XN

Lưu Văn Hiến

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM

Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

Số : ...64.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 09 năm 2016

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Nguyễn Tri Phương, P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 20 tháng 09 năm 2016

Kiểm tra mẫu : ngày 20 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	7
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	6.96
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	244
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	68
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.8
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.3
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.377
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	7.5
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	58
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.14
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.494
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.3

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT
BAN GIÁM ĐỐC XN



Lưu Văn Hiến

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : ...65.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 26 tháng 09 năm 2016

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 26 tháng 09 năm 2016

Kiểm tra mẫu : ngày 26 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	5
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.33
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	326
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	90
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.2
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.115
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	5.2
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	48
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.03
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.214
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.4

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu có độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn QCVN 01 : 2009/BYT .

BAN GIÁM ĐỐC XN



Lưu Văn Hiến

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

Số : ...66.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 26 tháng 09 năm 2016

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Nguyễn Tri Phương, P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 26 tháng 09 năm 2016

Kiểm tra mẫu : ngày 26 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	5
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	6.9
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	250
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	78
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.06
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.098
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	3.6
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	49
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.02
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.177
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.3

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT

BAN GIÁM ĐỐC XN

Lưu Văn Hiến

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM

Nguyễn Quốc Anh

Số : 673 / KN-YTDP

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0677.16

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ : Số 92 đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/27/88
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn niêm phong có đóng dấu của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bạc Liêu, ngày 27/9/2016. Trên niêm phong có chữ ký ông Trần Sà Vét – cán bộ lấy mẫu và ông Nguyễn Quốc Anh - đại diện cơ sở.
Nơi lấy mẫu : Đường Cao Văn Lầu , Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Ngày nhận mẫu : 27/09/2016
Người nhận mẫu : Nguyễn Ngọc Thảo
Người gửi mẫu : Trần Sà Vét

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	KẾT QUẢ
01	Coliforms	ISO 9308-1:2000(E)	50 CFU /100mL	0 CFU/100 mL
02	E.Coli	ISO 9308-1:2000(E)	0 CFU /100mL	0 CFU/100 mL

Kết Luận: Mẫu NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN - 16/09/27/88 có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú:- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi đến Khoa Xét Nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM



Thạc sĩ: *Phạm Thanh Hồng*

Bạc Liêu ngày 05 tháng 10 năm 2016



Trần Vĩnh An

Số : 672/KN-YTDP

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0676.16

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ : Số 92 đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/27/87
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn niêm phong có đóng dấu của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bạc Liêu, ngày 27/9/2016. Trên niêm phong có chữ ký ông Trần Sà Vét – cán bộ lấy mẫu và ông Nguyễn Quốc Anh - đại diện cơ sở.
Nơi lấy mẫu : Siêu Thị Điện máy Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Ngày nhận mẫu : 27/09/2016
Người nhận mẫu : Nguyễn Ngọc Thảo
Người gửi mẫu : Trần Sà Vét

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	KẾT QUẢ
01	Coliforms	ISO 9308-1:2000(E)	50 CFU /100mL	0 CFU/100 mL
02	E.Coli	ISO 9308-1:2000(E)	0 CFU /100mL	0 CFU/100 mL

Kết Luận: Mẫu NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN - 16/09/27/87 có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú:- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi đến Khoa Xét Nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM


Thạc sĩ: *Phạm Thanh Hồng*

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 10 năm 2016

GIÁM ĐỐC

Trần Vĩnh An

Số : 670 / KN-YTDP

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0672.16

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ : Số 92 đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/22/86
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn niêm phong có đóng dấu của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bạc Liêu, ngày 22/9/2016. Trên niêm phong có chữ ký ông Trần Sà Vét – cán bộ lấy mẫu và ông Nguyễn Quốc Anh - đại diện cơ sở.
Nơi lấy mẫu : Đường Đoàn Thị Điểm, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Ngày nhận mẫu : 22/09/2016
Người nhận mẫu : Nguyễn Ngọc Thảo
Người gửi mẫu : Trần Sà Vét

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	KẾT QUẢ
01	Coliforms	ISO 9308-1:2000(E)	50 CFU /100mL	0 CFU/100 mL
02	E.Coli	ISO 9308-1:2000(E)	0 CFU /100mL	0 CFU/100 mL

Kết Luận: Mẫu NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN - 16/09/22/86 có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú:- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi đến Khoa Xét Nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM


Khoa sĩ: Phạm Thanh Hồng

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 10 năm 2016



Trần Vĩnh An

Số : 671 / KN-YTDP

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0671.16

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ : Số 92 đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/22/85
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn niêm phong có đóng dấu của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bạc Liêu, ngày 22/9/2016. Trên niêm phong có chữ ký ông Trần Sà Vét – cán bộ lấy mẫu và ông Nguyễn Quốc Anh - đại diện cơ sở.
Nơi lấy mẫu : Phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Ngày nhận mẫu : 22/09/2016
Người nhận mẫu : Nguyễn Ngọc Thảo
Người gửi mẫu : Trần Sà Vét

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	KẾT QUẢ
01	Coliforms	ISO 9308-1:2000(E)	50 CFU /100mL	0 CFU/100 mL
02	E.Coli	ISO 9308-1:2000(E)	0 CFU /100mL	0 CFU/100 mL

Kết Luận: Mẫu NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN - 16/09/22/85 có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú:- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi đến Khoa Xét Nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM


Thạc sĩ: **Phạm Thanh Hồng**

Bạc Liêu ngày 05 tháng 10 năm 2016


GIÁM ĐỐC

Trần Vĩnh An

Số : 662/KN-YTDP

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0662.16

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ : Số 92 đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/06/82
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn niêm phong có đóng dấu của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bạc Liêu, ngày 16/09/2016. Trên niêm phong có chữ ký ông Trần Sà Vét – cán bộ lấy mẫu và ông Nguyễn Quốc Anh - đại diện cơ sở.
Nơi lấy mẫu : Đường Trà Kha B, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Ngày nhận mẫu : 16/09/2016
Người nhận mẫu : Nguyễn Ngọc Thảo
Người gửi mẫu : Trần Sà Vét

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	KẾT QUẢ
01	Coliforms	ISO 9308-1:2000(E)	50 CFU /100mL	0 CFU/100 mL
02	E.Coli	ISO 9308-1:2000(E)	0 CFU /100mL	0 CFU/100 mL

Kết Luận: Mẫu NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/06/82 có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú:- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi đến Khoa Xét Nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM


Thạc sĩ: *Phạm Thanh Hồng*

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 10 năm 2016



Trần Vĩnh An

Số : 661/KN-YTDP

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0661.16

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ : Số 92 đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/06/81
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn niêm phong có đóng dấu của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bạc Liêu, ngày 16/09/2016. Trên niêm phong có chữ ký ông Trần Sà Vét – cán bộ lấy mẫu và ông Nguyễn Quốc Anh - đại diện cơ sở.
Nơi lấy mẫu : Đường Trà Kha A, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Ngày nhận mẫu : 16/09/2016
Người nhận mẫu : Nguyễn Ngọc Thảo
Người gửi mẫu : Trần Sà Vét

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	KẾT QUẢ
01	Coliforms	ISO 9308-1:2000(E)	50 CFU /100mL	0 CFU/100 mL
02	E.Coli	ISO 9308-1:2000(E)	0 CFU /100mL	0 CFU/100 mL

Kết Luận: Mẫu NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/06/81 có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú:- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi đến Khoa Xét Nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM


Thạc sĩ: **Phạm Thanh Hồng**

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 10 năm 2016



Trần Vĩnh An

Số : 635 / KN-YTDP

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0635.16

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ : Số 92 đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/06/80
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn niêm phong có đóng dấu của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bạc Liêu, ngày 06/9/2016. Trên niêm phong có chữ ký ông Trần Sà Vét – cán bộ lấy mẫu và ông Nguyễn Quốc Anh - đại diện cơ sở.
Nơi lấy mẫu : Nhà Khu Tập Thể Công An, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Ngày nhận mẫu : 06/09/2016
Người nhận mẫu : Nguyễn Ngọc Thảo
Người gửi mẫu : Trần Sà Vét

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	KẾT QUẢ
01	Coliforms	ISO 9308-1:2000(E)	50 CFU /100mL	0 CFU/100 mL
02	E.Coli	ISO 9308-1:2000(E)	0 CFU /100mL	0 CFU/100 mL

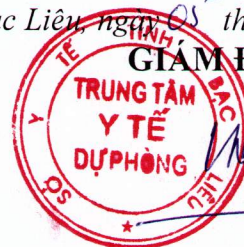
Kết Luận: Mẫu NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/06/80 có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú:- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi đến Khoa Xét Nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM

Thạc sĩ: *Phạm Thanh Hồng*

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 10 năm 2016



Trần Vĩnh An

Số : 634/KN-YTDP

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0634.16

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ : Số 92 đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN – 16/09/06/79
Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn niêm phong có đóng dấu của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bạc Liêu, ngày 06/9/2016. Trên niêm phong có chữ ký ông Trần Sà Vét – cán bộ lấy mẫu và ông Nguyễn Quốc Anh - đại diện cơ sở.
Nơi lấy mẫu : Đường Tỉnh lộ 38 Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Ngày nhận mẫu : 06/09/2016
Người nhận mẫu : Nguyễn Ngọc Thảo
Người gửi mẫu : Trần Sà Vét

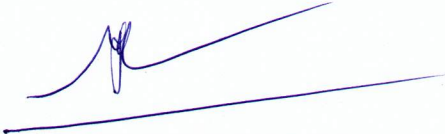
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	KẾT QUẢ
01	Coliforms	ISO 9308-1:2000(E)	50 CFU /100mL	0 CFU/100 mL
02	E.Coli	ISO 9308-1:2000(E)	0 CFU /100mL	0 CFU/100 mL

Kết Luận: Mẫu NƯỚC SINH HOẠT CUỐI NGUỒN - 16/09/06/79 có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu gửi đến Khoa Xét Nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM


Thạc sĩ: Phạm Thanh Hồng

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 10 năm 2016

GIÁM ĐỐC

Trần Vĩnh An